

Số: 18 /TB-TTYT

Vĩnh Thanh, ngày 22 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO MỜI NỘP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Kính gửi: Các nhà thầu tham dự Gói thầu số 2: Mua sắm thiết bị và thi công hệ thống cáp quang, mạng Lan, mạng Wifi, thiết bị phụ trợ và hạ tầng máy chủ phục vụ triển khai bệnh án điện tử tại Trung tâm

Y tế huyện Vĩnh Thạnh

(Danh sách các nhà thầu và địa chỉ chi tiết tại phụ lục đính kèm)

Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh tổ chức thực hiện mua sắm Gói thầu số 2: Mua sắm thiết bị và thi công hệ thống cáp quang, mạng Lan, mạng Wifi, thiết bị phụ trợ và hạ tầng máy chủ phục vụ triển khai bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh, kính mời quý nhà thầu tham gia nộp Hồ sơ đề xuất (HSDX) Gói thầu số 2: Mua sắm thiết bị và thi công hệ thống cáp quang, mạng Lan, mạng Wifi, thiết bị phụ trợ và hạ tầng máy chủ phục vụ triển khai bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh.

Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh sẽ đăng tải Hồ sơ yêu cầu (HSYC) trên trang website của Trung tâm: <https://trungtamyte.vinhthanh.binhding.gov.vn>

Thời gian phát hành Hồ sơ yêu cầu (HSYC) từ ngày 22/8/2025 đến ngày 28/8/2025 (trong giờ hành chính).

Địa điểm nhận Hồ sơ yêu cầu và nộp Hồ sơ đề xuất: tại Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh, số 20 Đặng Thùy Trâm, xã Vĩnh Thạnh, tỉnh Gia Lai.

Thời gian nhận Hồ sơ đề xuất: trước 09 giờ ngày 03/9/2025.

Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh kính mời Quý nhà thầu tham gia nhận HSYC và nộp HSDX vào đúng thời gian và địa điểm nêu trên

Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh rất mong sự quan tâm tham gia của quý nhà thầu./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo TTYT;
- Trang TTĐT của TTYT;
- Lưu: VT, TCKT.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Cường

PHỤ LỤC

NHÀ THẦU MỜI NỘP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Gói thầu số 2: Mua sắm thiết bị và thi công hệ thống cáp quang, mạng Lan, mạng Wifi, thiết bị phụ trợ và hạ tầng máy chủ phục vụ triển khai bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh.

(Kèm Thông báo số /TB-TTYT ngày 22/8/2025 của Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh)

STT	Tên nhà thầu	Địa chỉ, điện thoại
1	Công ty Cổ phần Công nghệ GREENSOFT	98 Nguyễn Trung Trực, Phường Quy Nhơn Nam, Tỉnh Gia Lai, (ĐT 0988569377)
2	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Tân Thuận Phát	05 Lê Hữu Kiều, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai, (ĐT 0256 3847446)
3	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Trí Đại Việt	55 Trần Quốc Toản, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai, (ĐT 0269.3852444)

Số: 78 /QĐ-TTYT

Vĩnh Thanh, ngày 22 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt hồ sơ yêu cầu

Gói thầu số 2: Mua sắm thiết bị và thi công hệ thống cáp quang, mạng Lan, mạng Wifi, thiết bị phụ trợ và hạ tầng máy chủ phục vụ triển khai bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ VĨNH THẠNH

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2025; Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quy hoạch, luật đầu tư, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 80/2025/TT-BTC ngày 08/8/2025 của Bộ Tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 15/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh;

Căn cứ Quyết định số 192/QĐ-TTYT ngày 25/6/2025 của Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin phục vụ triển khai Bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh;

Căn cứ tờ trình số 01/TTr-TCG ngày 22/08/2025 của Tổ chuyên gia về việc đề nghị phê duyệt hồ sơ yêu cầu Gói thầu số 2: Mua sắm thiết bị và thi công hệ thống cáp quang, mạng Lan, mạng Wifi, thiết bị phụ trợ và hạ tầng máy chủ phục vụ triển khai bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh;

Theo đề nghị của Tổ Chuyên gia lập Hồ sơ yêu cầu Gói thầu số 2: Mua

sắm thiết bị và thi công hệ thống cáp quang, mạng Lan, mạng Wifi, thiết bị phụ trợ và hạ tầng máy chủ phục vụ triển khai bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu (HSYC) Gói thầu số 2: Mua sắm thiết bị và thi công hệ thống cáp quang, mạng Lan, mạng Wifi, thiết bị phụ trợ và hạ tầng máy chủ phục vụ triển khai bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh với nội dung phụ lục đính kèm (*có bản HSYC kèm theo*).

Điều 2. Hồ sơ yêu cầu (HSYC) được duyệt tại Điều 1 của Quyết định này là cơ sở để nhà thầu chuẩn bị Hồ sơ đề xuất (HSDX) và Tổ chuyên gia đánh giá Hồ sơ đề xuất (HSDX) nhằm lựa chọn nhà thầu trúng thầu, ký kết hợp đồng với nhà thầu trúng thầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia, Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Tài chính – Kế toán, và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo TTYT;
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Cường

MẪU SỐ 1B

HỒ SƠ YÊU CẦU GÓI THẦU MUA SẮM HÀNG HÓA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2025/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

HỒ SƠ YÊU CẦU MUA SẮM HÀNG HÓA

Số hiệu gói thầu:

22082025

Tên gói thầu:

Gói thầu số 2: Mua sắm thiết bị và thi công hệ thống cáp quang, mạng Lan, mạng Wifi, thiết bị phụ trợ và hạ tầng máy chủ phục vụ triển khai bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh.

Dự án/dự toán mua sắm:

Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin phục vụ triển khai Bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh

Phát hành ngày:

22/8/2025

Ban hành kèm theo Quyết định:

/QĐ-TT VT ngày 22/8/2025

**CHỦ ĐẦU TƯ
TRUNG TÂM Y TẾ VĨNH THẠNH
GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Cường

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
HSDX	Hồ sơ đề xuất
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15)
Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
Thông tư số 79/2025/TT-BTC	Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 ngày 8 tháng 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
VND	Việt Nam

Phần 1. THỦ TỤC CHỈ ĐỊNH THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Chủ đầu tư **TRUNG TÂM Y TẾ VĨNH THẠNH**, Số 20 Đặng Thùy Trâm, xã Vĩnh Thạnh, tỉnh Gia Lai mời nhà thầu nhận HSYC gói thầu Gói thầu số 2: Mua sắm thiết bị và thi công hệ thống cáp quang, mạng Lan, mạng Wifi, thiết bị phụ trợ và hạ tầng máy chủ phục vụ triển khai bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh. thuộc dự toán Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin phục vụ triển khai Bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh.

2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Nguồn ngân sách năm 2025.

3. Thời gian thực hiện gói thầu là: 15 ngày, được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hàng hóa (bao gồm cả dịch vụ liên quan (nếu có)), không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

3. Nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC

1. Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSYC, nhà thầu gửi văn bản đến Chủ đầu tư trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý.

2. Trường hợp Chủ đầu tư sửa đổi HSYC, Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC đến nhà thầu là tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi tham dự thầu

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.

2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.

3. HSDX cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDX được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).

Mục 6. Thành phần của HSDX

HSDX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn dự thầu theo Mẫu số 01A hoặc Mẫu số 01B Chương III;
2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương III;
3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, của người ký đơn dự thầu;
4. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục 8 Chương này;
5. Đề xuất về giá theo các bảng giá dự thầu quy định tại Mẫu số 4.1 (4.1A hoặc 4.1B hoặc 4.1C) hoặc Mẫu số 4.2 (4.2A hoặc 4.2B hoặc 4.2C) Chương III;
6. Các nội dung khác: USB chứa file excel Bảng giá chào của hàng hóa

Mục 7. Giá dự thầu

1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC, kể cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Nhà thầu chào giá: Quy định theo Mẫu số 4.1A hoặc 4.1B hoặc 4.1C hoặc 4.2A hoặc 4.2B hoặc 4.2C Chương III

3. Nhà thầu phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc được mô tả tại Chương IV và chào giá cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá tương ứng quy định tại Chương III.

Mục 8. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan

Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn và chứng từ sau đây: Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính; Phiếu xuất kho; tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ, chất lượng hàng hóa (Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), Giấy chứng nhận chất lượng (CQ), Tờ khai hải quan, Vận đơn (Bill of lading), Hóa đơn (Invoice), Phiếu đóng gói hàng hóa (Packing list)...), phiếu kiểm nghiệm lô sản xuất hàng hoá và các giấy tờ khác theo quy định nếu có khi Chủ đầu tư có yêu cầu. Chủ đầu tư phải nhận được các hóa đơn và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.

Mục 9. Hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX phải bảo đảm theo yêu cầu 60 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, Chủ đầu tư có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

Mục 10. Quy cách của HSDX và chữ ký trong HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và 01 bản chụp HSDX, ghi rõ "bản gốc" và "bản chụp" tương ứng. Nhà thầu cần ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên Chủ đầu tư bên ngoài túi đựng HSDX. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

2. Tất cả các thành phần của HSDX nêu tại Mục 6 Chương I phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo phân công trong thỏa thuận liên danh.

3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.

Mục 11. Thời điểm đóng thầu và mở thầu

1. HSDX do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của Chủ đầu tư nhưng phải bảo đảm Chủ đầu tư nhận được trước thời điểm đóng thầu: **9 giờ, ngày 03 tháng 9 năm 2025.**

2. Mở thầu:

Chủ đầu tư tiến hành mở thầu bao gồm các nội dung sau:

- a) Kiểm tra niêm phong;
- b) Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về tên nhà thầu:
 - Tham dự độc lập hay liên danh;
 - Số lượng bản gốc, bản chụp;
 - Giá dự thầu chào trong đơn dự thầu;
 - Giá trị giảm giá (nếu có);
 - Thời gian có hiệu lực của HSDX;
 - Thời gian thực hiện gói thầu;
 - Các thông tin khác liên quan.

Biên bản mở thầu bao gồm các thông tin quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Chủ đầu tư và nhà thầu nộp HSDX. Biên bản này phải được gửi cho nhà thầu nộp HSDX. Đại diện của Chủ đầu tư phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có), các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng HSDX.

Mục 12. Nhà thầu phụ: Không áp dụng

Mục 13. Đánh giá HSDX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II.

2. Trong quá trình đánh giá, Chủ đầu tư mời nhà thầu thương thảo về giá bảo đảm đáp ứng tỷ lệ tiết kiệm theo quy định của HSYC, thương thảo, làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung HSDX để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu và tỷ lệ tiết kiệm.

Mục 14. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu

Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;
2. Có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSYC;
3. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được duyệt.

Mục 15. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, Chủ đầu tư đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho nhà thầu tham dự thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:

a) Thông tin về gói thầu:

- Tên gói thầu;
- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có);
- Tên Chủ đầu tư;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu;
- Loại hợp đồng;
- Thời gian thực hiện gói thầu

b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

- Tên nhà thầu;
- Mã số thuế (nếu có);
- Giá dự thầu;
- Giá trúng thầu;
- Thời gian thực hiện gói thầu;
- Thời gian thực hiện hợp đồng.

c) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn.

Mục 16. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết, HSĐX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.
2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong HSYC thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu và hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 17. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu được chỉ định thầu phải cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu thư bảo lãnh trong HSYC này hoặc Mẫu thư bảo lãnh khác được Chủ đầu tư chấp thuận.
2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:
 - a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;
 - b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
 - c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 18. Giải quyết kiến nghị

1. Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu:
 - a) Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu được kiến nghị người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, Hội đồng giải quyết kiến nghị xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 89 Luật Đấu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.
 - b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:
 - Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Chủ đầu tư:
TRUNG TÂM Y TẾ VĨNH THẠNH
Địa chỉ: Số 20 Đặng Thùy Trâm, xã Vĩnh Thạnh, Tỉnh Gia Lai.
Điện thoại: 0256.3886601
 - Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền:
TRUNG TÂM Y TẾ VĨNH THẠNH
Địa chỉ: Số 20 Đặng Thùy Trâm, xã Vĩnh Thạnh, Tỉnh Gia Lai.
Điện thoại: 0256.3886601

- Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng giải quyết kiến nghị:

TRUNG TÂM Y TẾ VĨNH THẠNH

Địa chỉ: Số 20 Đặng Thùy Trâm, xã Vĩnh Thạnh, Tỉnh Gia Lai.

Điện thoại: 0256.3886601

2. Đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 của Luật Đấu thầu hoặc hoạt động lựa chọn nhà thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu:

Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 89, 90 và 91 của Luật Đấu thầu.

Mục 19. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu

a) Ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% và không có hàng hóa nào có chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên được xác định như sau: Hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng.

Đối với trường hợp nhà thầu chào hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% mà cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực thì được hưởng hệ số ưu đãi 10% thay cho hệ số ưu đãi 7,5%.

b) Ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên được xác định như sau: hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 10% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi mà có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% phải cộng thêm một khoản tiền bằng 2,5% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% mà cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực thì không phải cộng thêm tiền vào giá dự thầu của nhà thầu để so sánh, xếp hạng. Đối với các trường hợp nhà thầu chào hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên mà cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở

lên, đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực thì được hưởng hệ số ưu đãi 12% thay cho hệ số ưu đãi 10%.

c) Sản phẩm đổi mới sáng tạo là hàng hóa có xuất xứ Việt Nam được hưởng ưu đãi như sau: hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 15% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi mà có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi mà có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên phải cộng thêm một khoản tiền bằng 5% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng. Đối với các hàng hóa không phải là sản phẩm đổi mới sáng tạo xuất xứ Việt Nam, trường hợp nhà thầu chào hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% thì khi tính ưu đãi, hệ số 15% được thay bằng 7,5%; hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên thì khi tính ưu đãi, hệ số 15% được thay bằng 10%.

d) Sản phẩm đổi mới sáng tạo được hưởng ưu đãi theo quy định tại điểm c khoản này khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Sản phẩm thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển hoặc danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

- Sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ của doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

- Sản phẩm được tạo ra trên cơ sở sáng chế, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng của chính nhà thầu được cấp văn bằng bảo hộ trong thời hạn không quá 05 năm kể từ ngày được cấp hoặc chương trình máy tính của chính nhà thầu trong thời hạn không quá 05 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả;

- Sản phẩm chip bán dẫn;

- Sản phẩm đạt giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng nhà nước về khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về giải thưởng khoa học và công nghệ;

- Sản phẩm mới tạo ra từ kết quả nghiên cứu và phát triển tại một trong các cơ sở của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia;

- Sản phẩm mới tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản này được hưởng ưu đãi trong thời hạn 06 năm kể từ lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSDX

1.1. Kiểm tra HSDX

- a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX theo quy định tại Mục 6 Chương I;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
- b) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSYC; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;
- c) Hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 9 Chương I;
- d) Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu tại Mẫu số 4.1 (4.1A hoặc 4.1B hoặc 4.1C) hoặc Mẫu số 4.2 (4.2A hoặc 4.2B hoặc 4.2C) Chương III hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này;
- đ) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I.
- e) Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 (đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) hoặc Bảng số 02 (đối với nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu), nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDX của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại Mục này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 (đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) hoặc Bảng số 02 (đối với nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp hàng hóa đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSDX, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá HSDX. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM
(Đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất⁽¹⁾ ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ		Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh	
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM*(Đối với nhà thầu là nhà sản xuất⁽¹⁾ ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)*

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	

BẢNG YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ

(Áp dụng đối với gói thầu có nhiều loại hàng hóa)

STT	Danh mục hàng hóa	Mã HS ⁽¹⁾	Chủng loại, lĩnh vực ⁽²⁾	Giá trị được coi là tương tự (VND) ⁽³⁾	Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu Hoặc: Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng hoặc 01 năm trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu ⁽⁴⁾
-----	-------------------	----------------------	-------------------------------------	---	---

Ghi chú:

- (1), (2) Nội dung tại cột này được Chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc tại ghi chú số (10) Bảng số 01 Chương này.
- (3) Giá trị tại cột này được Chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc nêu tại ghi chú số (11) Bảng số 01 Chương này.
- (4) Giá trị tại cột này được Chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc nêu tại ghi chú số (10) Bảng số 02 Chương này.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt

Yêu cầu nhân sự chủ chốt: Không

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được. HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương IV. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập HSYC phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Nội dung đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Phạm vi cung cấp		
1.1	Số lượng	Đủ số lượng theo phạm vi cung cấp của HSYC	Thiếu số lượng so với phạm vi cung cấp của HSYC
1.2	Tiến độ cung cấp	Có bảng tiến độ cung cấp hàng hóa chi tiết hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSYC.	Không có bảng tiến độ cung cấp hàng hóa chi tiết hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất kỹ thuật. Thời gian thực hiện gói thầu vượt quá 15 ngày.

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)
		Thời gian thực hiện gói thầu không quá 15 ngày.	
2	Yêu cầu về kỹ thuật		
2.1	Yêu cầu về kỹ thuật chung	Có cam kết đầy đủ nội dung nêu trong khoản 1.3 Mục 1 của chương IV	Không cam kết hoặc không cam kết đầy đủ nội dung nêu trong khoản 1.3 Mục 1 của chương IV
2.2	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	- Có bảng chào kỹ thuật của hàng hóa có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ đáp ứng bằng hoặc tương đương (hoặc tốt hơn) yêu cầu về đặc tính kỹ thuật đã nêu tại Mục 1.2 Chương V của HSYC.	- Không có bảng chào kỹ thuật của hàng hóa hoặc bảng chào kỹ thuật của hàng hóa “không” có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ phù hợp, đáp ứng yêu cầu về đặc tính kỹ thuật đã nêu Mục 1.2 Chương V của HSYC.
3	Kết quả thực hiện hợp đồng	Nhà thầu có cam kết từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu không có một trong các vi phạm bị Chủ đầu tư hoặc Cơ quan nhà nước có thẩm quyền công khai hoặc bị xử lý theo Luật đấu thầu sau đây: + Vi phạm về tiến độ thực hiện hợp đồng; + Xảy ra các sự cố trong quá trình thực hiện hợp đồng liên quan đến chất lượng hàng hóa; + Vi phạm, bị chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu.	Nhà thầu không có cam kết từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu không có một trong các vi phạm bị Chủ đầu tư hoặc Cơ quan nhà nước có thẩm quyền công khai hoặc bị xử lý theo Luật đấu thầu sau đây: + Vi phạm về tiến độ thực hiện hợp đồng; + Xảy ra các sự cố trong quá trình thực hiện hợp đồng liên quan đến chất lượng hàng hóa; + Vi phạm, bị chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu.
Đánh giá		ĐẠT (Đạt tất cả nội dung trên)	KHÔNG ĐẠT (Không đạt bất kỳ một trong những nội dung nêu trên)

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Điều 31 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và đáp ứng tỷ lệ tiết kiệm theo quy định tại Mục 14 Chương I;

Chương III. BIỂU MẪU**Mẫu số 01A****ĐƠN DỰ THẦU***(Áp dụng đối với nhà thầu là tổ chức)*

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _ *[Ghi tên Chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số ____ *[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ *[Ghi tên nhà thầu]*, có địa chỉ tại ____ *[Ghi địa chỉ của nhà thầu]* cam kết thực hiện gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]* cùng với bảng giá dự thầu kèm theo. Thời gian thực hiện gói thầu là ____ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]*.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ *[Ghi ngày có thời điểm đóng thầu]*.

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu trúng thầu⁽²⁾.

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

7. Những thông tin kê khai trong HSĐX là trung thực.

8. Trường hợp trúng thầu, HSĐX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSĐX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

9. Nếu HSĐX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

(2) HSYC không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này. Nội dung này chỉ yêu cầu nhà thầu cam kết trong Đơn này.

ĐƠN DỰ THẦU

(Áp dụng đối với nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*Ghi tên Chủ đầu tư*]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu (bao gồm văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu, nếu có), chúng tôi, ____ [*Ghi tên cá nhân và mã số thuế cá nhân; đối với nhà thầu là nhóm cá nhân thì ghi tên của các thành viên và mã số thuế theo Mẫu số 01C*], cam kết thực hiện gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu*]. Thời gian thực hiện gói thầu là ____ [*Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu*].

Hồ sơ đề xuất có hiệu lực là ____ ngày [*Ghi số ngày*], kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ [*Ghi ngày có thời điểm đóng thầu*].

Chúng tôi cam kết:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;
3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
5. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;
6. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, các thành viên trong nhóm cá nhân không bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho cá nhân (hoặc nhóm cá nhân trong đó có nhân sự vi phạm) trúng thầu ⁽²⁾.
7. Những thông tin kê khai trong HSDX là trung thực.
8. Trường hợp trúng thầu, HSDX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.
9. Nếu HSDX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC.
10. Có đủ năng lực sản xuất hàng hóa để thực hiện gói thầu.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾

[*Ghi tên, chức danh, ký tên*]

Ghi chú:

(1) Cá nhân tham dự thầu phải ký đơn dự thầu. Đối với trường hợp nhóm cá nhân thì tất cả các thành viên trong nhóm hoặc thành viên được phân công theo Văn bản thỏa thuận ký đơn dự thầu.

(2) HSYC không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

VĂN BẢN THỎA THUẬN*(Áp dụng đối với nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)*

Ngày: ____ tháng ____ năm ____

Căn cứ HCYC của gói thầu: ____ [ghi tên gói thầu]

Chúng tôi gồm có:

Thành viên thứ nhất:

Họ và tên: _____

Số CCCD/Hộ chiếu: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____

Mã số thuế: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Thành viên thứ hai:

Họ và tên: _____

Số CCCD/Hộ chiếu: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____

Mã số thuế: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Thành viên thứ n:

Họ và tên: _____

Số CCCD/Hộ chiếu: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____

Mã số thuế: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết văn bản thỏa thuận thành lập nhóm cá nhân với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện thành lập nhóm cá nhân để tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức.

2. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tham gia độc lập hoặc liên danh với cá nhân khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, các thành viên cùng ký hợp đồng và không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên

của nhóm từ chối hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong nhóm;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] như sau:

Phân công ____ [ghi tên cá nhân] làm thành viên đứng đầu nhóm, đại diện cho nhóm trong những phân việc sau:

[- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ HSDX hoặc văn bản đề nghị rút HSDX;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả nhóm;
- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

Điều 3. Hiệu lực của văn bản thỏa thuận

1. Văn bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Văn bản thỏa thuận chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
- Nhóm cá nhân không trúng thầu;
- Hủy thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo thông báo của Chủ đầu tư.

Văn bản thỏa thuận được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU NHÓM CÁ NHÂN [ký, ghi rõ họ tên]

CÁC THÀNH VIÊN THUỘC NHÓM CÁ NHÂN [ký, ghi rõ họ tên]

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc ____ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do ____ [*Ghi tên Chủ đầu tư*] tổ chức:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được chỉ định thầu.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà thầu*]. ____ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)*]

Người ủy quyền

[*Ghi tên người đại diện theo pháp
luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và
đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư cùng với đơn dự thầu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu và phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc: _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]

- Căn cứ⁽²⁾ [Luật Đấu thầu];- Căn cứ⁽²⁾ _____;

- Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] thuộc ____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất chịu trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng để thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho _____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽⁴⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không được chỉ định thầu;

- Hủy thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH⁽⁵⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu tại Mẫu số 4.1 (4.1A hoặc 4.1B hoặc 4.1C) hoặc Mẫu số 4.2 (4.2A hoặc 4.2B hoặc 4.2C) Chương này hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

(5) Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU
(Áp dụng với hợp đồng trọn gói)

I. Hàng hóa dự thầu

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)
I	Hệ thống kiểm soát ra/vào, Hệ thống giám sát môi trường, Hệ thống camera											
1	Thiết bị kiểm soát vân tay	F35	zKTeco	2024	Trung Quốc	zKTeco	Tham chiếu tại chương IV	cái	1			
2	Khóa nam châm điện	LM-2805	zKTeco	2024	Trung Quốc	zKTeco	Tham chiếu tại chương IV	chiếc	1			
3	Ngàm gắn khoá và cửa	LMD-280ZL	zKTeco	2024	Trung Quốc	zKTeco	Tham chiếu tại chương IV	chiếc	1			

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
4	Nút bấm mở cửa Exit	EX-802	zKTeco	2024	Trung Quốc	zKTeco	Tham chiếu tại chương IV	chiếc	1			
5	Bộ nguồn dự phòng mất điện	P1205-B3	zKTeco	2024	Trung Quốc	zKTeco	Tham chiếu tại chương IV	chiếc	1			
6	Cửa chống cháy	3CDF70S	3CElectric	2025	Việt Nam	3CElectric	Tham chiếu tại chương IV	Cái	1			
7	Bình chữa cháy 3kg khí CO2 MT3	MT3	Dragon	2024	Việt Nam	Công ty Cổ Phần Sản Xuất- Thương Mại- Dịch Vụ VIETLINK	Tham chiếu tại chương IV	Cái	1			
8	Bình chữa cháy bột ABC MFZL4 - 4kg	MFZL4	Dragon	2024	Việt Nam	Công ty Cổ Phần Sản Xuất- Thương Mại- Dịch Vụ VIETLINK	Tham chiếu tại chương IV	Cái	1			

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
9	Cảm biến nhiệt độ, độ ẩm	TH-S04D	Aqara	2024	Trung Quốc	Lumi United Technology Co., Ltd	Tham chiếu tại chương IV	Cái	1			
10	Cảm biến tràn nước	WL-S02D	Aqara	2024	Trung Quốc	Lumi United Technology Co., Ltd	Tham chiếu tại chương IV	Cái	1			
11	Cảm Biến Hiện Diện	PS-S02D	Aqara	2024	Trung Quốc	Lumi United Technology Co., Ltd	Tham chiếu tại chương IV	Cái	1			
12	Camera hub AI	CH-C07D	Aqara	2024	Trung Quốc	Lumi United Technology Co., Ltd	Tham chiếu tại chương IV	Cái	1			
13	Nhân công						Tham chiếu tại chương IV	gói	1			

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
14	Thiết bị cân bằng tải Draytek 2962	Vigor2962	DRAYTEK	2025	Đài Loan	DRAYTEK	Tham chiếu tại chương IV	Bộ	1			
II	Hệ thống mạng cáp quang, Hệ thống mạng Lan, Hệ thống mạng Wifi , Thiết bị phụ trợ											
1	Cáp quang Multimode 4FO OM3 Cablexa	GYXTW-4FO-OM3	Cablexa	2025	Trung quốc	Cablexa	Tham chiếu tại chương IV	m	1.000			
2	Tủ Rack 6U D500 treo tường	ECP-WM6UW550C	ECP	2024 trở về sau	Việt Nam	ECP	Tham chiếu tại chương IV	tủ	7			
3	Tủ Rack 42u -D1000 có bánh xe	ECP-42U1000-B	ECP	2024	Việt Nam	ECP	Tham chiếu tại chương IV	tủ	1			
4	Thanh quản lý cáp	2304-01003	Dintek	2024 trở về sau	Châu Á	Dintek	Tham chiếu tại	cái	8			

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
							chương IV					
5	Hộp phối quang ODF 8FO trong nhà	ODF-8FO WM	TCNET	2024 trở về sau	Việt Nam	TCNET	Tham chiếu tại chương IV	cái	8			
6	Hộp phối quang ODF 32FO trong nhà	ODF-32FO RM	TCNET	2024 trở về sau	Việt Nam	TCNET	Tham chiếu tại chương IV	cái	2			
7	Dây nhảy quang Single-mode SC/UPC-SC/UPC dài 3 m	SC/UPC-SC/UPC	TCNET	2024 trở về sau	Việt Nam	TCNET	Tham chiếu tại chương IV	dây	140			
8	Cáp mạng AMP Commscope CAT5	6-219590-2	Commscope	2024 trở về sau	Trung quốc	Commscope	Tham chiếu tại chương IV	thùng	7			

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu	Thành tiền <i>đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))</i>
9	Nẹp vuông Nanoco 30x16mm	NNV1730	Nanoco	2024	Việt Nam	Nanoco	Tham chiếu tại chương IV	cây	200			
10	Nẹp vuông Nanoco 50x35mm	NNV1750	Nanoco	2024	Việt Nam	Nanoco	Tham chiếu tại chương IV	cây	110			
11	Dây điện đôi 1,5		Cadivi	2024-2025	Việt Nam	Cadivi	Tham chiếu tại chương IV	cuộn	1			
12	Đầu mạng RJ45 DINTEK UTP Cat 5 (loại 1 tầng)	1501-88052	DINTEK	2024 trở về sau	Châu Á	DINTEK	Tham chiếu tại chương IV	túi	2			
13	Chi phí hàn quang						Tham chiếu tại chương IV	mỗi	140			

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu	Thành tiền <i>đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)</i>
14	phích đực cái						Tham chiếu tại chương IV	bộ	8			
15	Nhân công						Tham chiếu tại chương IV	gói	1			
16	phụ kiện lắp đặt						Tham chiếu tại chương IV	gói	1			
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)												(M)= M₁ +...+ M_n

Ghi chú:

- Chủ đầu tư điền nội dung tại các cột: (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10). Đối với cột (8), Chủ đầu tư dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV.
- Nhà thầu điền từ cột (11), (12), (13):
(11): Nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê;

(12), (13): Nhà thầu điền đơn giá, thành tiền bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

II. Dịch vụ liên quan

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(3)x(7)
1							I_1
...							...
n							I_n
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							(I)= $I_1 + I_n$

Ghi chú:

- Cột (1) đến (6): Chủ đầu tư điền, trong đó dẫn chiếu đến yêu cầu tại Chương IV cho phù hợp.
- Cột (7), (8): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).

III. Tổng hợp giá dự thầu

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Giá dự thầu của hàng hóa	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
	Tổng cộng giá dự thầu (Kết chuyển sang đơn dự thầu)	(G)= (M)+ (I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 4.1B

BẢNG GIÁ DỰ THẦU
(Áp dụng với loại hợp đồng theo đơn giá)

I. Hàng hóa dự thầu

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)
	Hàng hóa thứ 1											M_1
												
	Hàng hóa thứ n											M_n
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)												(M)= $M_1 + \dots + M_n$

Ghi chú:

- Chủ đầu tư điền nội dung tại các cột: (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10). Đối với cột (8), Chủ đầu tư dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV.

- Nhà thầu điền từ cột (11), (12), (13):

(11): Nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê;

(12), (13): Nhà thầu điền đơn giá, thành tiền bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

II. Dịch vụ liên quan

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(3)x(7)
1							I_1
...							...
n							I_n
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							(I)= $I_1 + I_n$

Ghi chú:

- Cột (1) đến (6): Chủ đầu tư điền, trong đó dẫn chiếu đến yêu cầu tại Chương IV cho phù hợp.
- Cột (7), (8): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).

III. Tổng hợp giá dự thầu

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Giá dự thầu của hàng hóa	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
3	Chi phí dự phòng (*)	$(C)=a\% \times ((M)+(I))$
	Tổng cộng giá dự thầu (Kết chuyển sang đơn dự thầu)	$(G)= (M) + (I) + (C)$

Ghi chú:

(*): a%: Chủ đầu tư quy định giá trị của a (%) để nhà thầu làm cơ sở chào chi phí dự phòng.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 4.1C

BẢNG GIÁ DỰ THẦU
(Áp dụng với loại hợp đồng hỗn hợp)

I. Hàng hóa dự thầu

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)
I. Hạng mục hàng hóa áp dụng hợp đồng trọn gói												(M1)= $M_1+...+M_n$
1	Hàng hóa thứ 1											M_1
...												
n	Hàng hóa thứ n											M_n
II. Hạng mục hàng hóa áp dụng hợp đồng theo đơn giá												(M2)= $M_1+...+M_n$
1	Hàng hóa thứ 1											M_1
...												
n	Hàng hóa thứ n											M_n
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)												(M)=(M1) + (M2)

Ghi chú:

- Chủ đầu tư điền nội dung tại các cột: (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10). Đối với cột (8), Chủ đầu tư dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV.

- Nhà thầu điền từ cột (11), (12), (13):

(11): Nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê;

(12), (13): Nhà thầu điền đơn giá, thành tiền bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

II. Dịch vụ liên quan

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(3)x(7)
I. Dịch vụ liên quan của hàng hóa áp dụng hợp đồng trọn gói							$I1 = I_1 + \dots + I_n$
1							I_1
...							...
n							I_n
II. Dịch vụ liên quan của hàng hóa áp dụng hợp đồng theo đơn giá							$I2 = I_1 + \dots + I_n$
1							I_1
...							...
n							I_n
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							(I) = (I1) + (I2)

Ghi chú:

- Cột (1) đến (6): Chủ đầu tư điền, trong đó dẫn chiếu đến yêu cầu tại Chương IV cho phù hợp.

- Cột (7), (8): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).

III. Tổng hợp giá dự thầu

STT	Nội dung	Giá dự thầu
I	Giá hàng hóa và dịch vụ liên quan áp dụng loại hợp đồng trọn gói	$(G1) = (M1) + (I1)$
1	Giá dự thầu của hàng hóa	$(M1)$
2	Dịch vụ liên quan	$(I1)$
I	Giá hàng hóa và dịch vụ liên quan áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá	$(G2) = (M2) + (I2) + (C)$
1	Giá dự thầu của hàng hóa	$(M2)$
2	Dịch vụ liên quan	$(I2)$
3	Chi phí dự phòng (*)	$(C) = a\% \times ((M2) + (I2))$
	Tổng cộng giá dự thầu (Kết chuyển sang đơn dự thầu)	$G = (G1) + (G2)$

Ghi chú:

(*): $a\%$: Chủ đầu tư quy định giá trị của a (%) để nhà thầu làm cơ sở chào chi phí dự phòng.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ DỰ THẦU
(Áp dụng loại hợp đồng trọn gói)

I. Hàng hóa được sản xuất, gia công tại Việt Nam

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá EXW	Giá EXW	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT phải nộp trong trường hợp nhà thầu được trao hợp đồng	Thành tiền đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10) x(12)	(14)	(15)=(13)+(14)	(16)	(17)=(15)+(16)
1																M_1
...																...
n																M_n
<i>Tổng</i>														M^*		$(M1) = M_1 + \dots + M_n$

Ghi chú:

- Chủ đầu tư điền các cột (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

(8): Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV.

- Nhà thầu điền các cột sau:

Cột (11): Nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê;

Cột (14): Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm theo yêu cầu.

Cột (16) Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT phải nộp trong trường hợp nhà thầu được trao hợp đồng.

Cột (12) (13) (15) (17): Nhà thầu điền.

II. Hàng hóa được sản xuất, gia công ngoài nước đã được nhập khẩu hoặc sẽ được nhập khẩu vào Việt Nam

Stt	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với một đơn vị hàng hóa	Đơn giá không bao gồm thuế, phí liên quan đến nhập khẩu	Giá từng hạng mục không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) ở Việt Nam để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với từng hạng mục	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thành tiền bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14) = (12) - (13)	(15) = (10) x (14)	(16)	(17) = (15) + (16)	(18) = (10) x (13)	(19)	(20) = (17) + (18) + (19)
1																			M_1
...																			
n																			M_n
Tổng																(M^*)			$(M_2) = M_1 + \dots + M_n$

Ghi chú:

- Chủ đầu tư điền các cột (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

(8): Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV.

- Nhà thầu điền các cột sau:

Cột (11): Nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê;

Cột (14): Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) ở Việt Nam để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm theo yêu cầu.

Cột (12) (13) (15) (16) (17) (18) (19) (20): Nhà thầu điền.

III. Dịch vụ liên quan

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(3)x(7)
1							I_1
...							...
n							I_n
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							$(I) = I_1 + \dots + I_N$

Ghi chú:

- Cột (1) đến (6): Chủ đầu tư điền, trong đó dẫn chiếu đến yêu cầu tại Chương IV cho phù hợp.
- Cột (7) (8): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).

IV. Tổng hợp giá dự thầu

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Hàng hóa sản xuất gia công trong nước	(M1)
2	Hàng hóa sản xuất gia công tại nước ngoài	(M2)

3	Dịch vụ liên quan	(I)
	Tổng cộng giá dự thầu (<i>Kết chuyển sang đơn dự thầu</i>)	$G=(M1)+ (M2)+ (I)$

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ DỰ THẦU*(Áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá)***I. Hàng hóa được sản xuất, gia công tại Việt Nam**

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá EXW	Giá EXW	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT phải nộp trong trường hợp nhà thầu được trao hợp đồng	Thành tiền đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10) x(12)	(14)	(15)=(13)+(14)	(16)	(17)=(15)+(16)
1																M_1
...																...
n																M_n
Tổng														M^*		$(M1) = M_1 + \dots + M_n$

Ghi chú:

- Chủ đầu tư điền các cột (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) (8): Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV.
- Nhà thầu điền các cột sau:
Cột (11): Nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê;

Cột (14): Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm theo yêu cầu.

Cột (16) Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT phải nộp trong trường hợp nhà thầu được trao hợp đồng.

Cột (12) (13) (15) (17): Nhà thầu điền.

II. Hàng hóa được sản xuất, gia công ngoài nước đã được nhập khẩu hoặc sẽ được nhập khẩu vào Việt Nam

Stt	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với một đơn vị hàng hóa	Đơn giá không bao gồm thuế, phí liên quan đến nhập khẩu	Giá từng hạng mục không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) ở Việt Nam để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với từng hạng mục	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thành tiền bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14) = (12) - (13)	(15) = (10) x (14)	(16)	(17) = (15) + (16)	(18) = (10) x (13)	(19)	(20) = (17) + (18) + (19)
1																			M_1
...																			
n																			M_n
Tổng																(M^*)			$(M_2) = M_1 + \dots + M_n$

Ghi chú:

- Chủ đầu tư điền các cột (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

(8): Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV.

- Nhà thầu điền các cột sau:

Cột (11): Nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê;

Cột (14): Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) ở Việt Nam để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm theo yêu cầu.

Cột (12) (13) (15) (16) (17) (18) (19) (20): Nhà thầu điền.

III. Dịch vụ liên quan

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(3)x(7)
1							I_1
...							...
n							I_n
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							(I)= $I_1 + \dots + I_N$

Ghi chú:

- Cột (1) đến (6): Chủ đầu tư điền, trong đó dẫn chiếu đến yêu cầu tại Chương IV cho phù hợp.

- Cột (7) (8): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).

IV. Tổng hợp giá dự thầu

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Hàng hóa sản xuất gia công trong nước	(M1)

2	Hàng hóa sản xuất gia công tại nước ngoài	(M2)
3	Dịch vụ liên quan	(I)
4	Chi phí dự phòng (*)	$(C) = a\% \times ((M1) + (M2) + (I))$
	Tổng cộng giá dự thầu (<i>Kết chuyển sang đơn dự thầu</i>)	$G = (M1) + (M2) + (I) + (C)$

Ghi chú:

(*): $a\%$: Chủ đầu tư quy định giá trị của a (%) để nhà thầu làm cơ sở chào chi phí dự phòng.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ DỰ THẦU*(Áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp)***I. Hàng hóa được sản xuất, gia công tại Việt Nam**

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá EXW	Giá EXW	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT phải nộp trong trường hợp nhà thầu được trao hợp đồng	Thành tiền đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10) x(12)	(14)	(15)=(13)+(14)	(16)	(17)=(15)+(16)
I. Hạng mục hàng hóa áp dụng loại hợp đồng trọn gói																$(M1)=M_1+\dots+M_n$
1																M_1
...																...
n																M_n
II. Hạng mục hàng hóa áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá																$(M2)=M_1+\dots+M_n$
1																M_1
...																...
n																M_n
Tổng														M^*		$(M)=(M1) + (M2)$

Ghi chú:

- Chủ đầu tư điền các cột (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

(8): Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV.

- Nhà thầu điền các cột sau:

Cột (11): Nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê;

Cột (14): Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm theo yêu cầu.

Cột (16) Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT phải nộp trong trường hợp nhà thầu được trao hợp đồng.

Cột (12) (13) (15) (17): Nhà thầu điền.

II. Hàng hóa được sản xuất, gia công ngoài nước đã được nhập khẩu hoặc sẽ được nhập khẩu vào Việt Nam

Stt	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với một đơn vị hàng hóa	Đơn giá không bao gồm thuế, phí liên quan đến nhập khẩu	Giá từng hạng mục không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) ở Việt Nam để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với từng hạng mục	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thành tiền bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14) = (12) - (13)	(15) = (10) x (14)	(16)	(17) = (15) + (16)	(18) = (10) x (13)	(19)	(20) = (17) + (18) + (19)

I. Hạng mục hàng hóa áp dụng loại hợp đồng trọn gói																			$(X1) = X_1 + \dots + X_n$
1																			X_1
...																			
n																			X_n
II. Hạng mục hàng hóa áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá																			$(X2) = X_1 + \dots + X_n$
1																			X_1
...																			...
n																			X_n
Tổng																(X^*)			$X = (X1) + (X2)$

Ghi chú:

- Chủ đầu tư điền các cột (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

(8): Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV.

- Nhà thầu điền các cột sau:

Cột (11): Nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê;

Cột (14): Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) ở Việt Nam để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm theo yêu cầu.

Cột (12) (13) (15) (16) (17) (18) (19) (20): Nhà thầu điền.

III. Dịch vụ liên quan

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(3)x(7)
I. Dịch vụ liên quan của hàng hóa áp dụng hợp đồng trọn gói							$(I1) = I_1 + \dots + I_n$
1							I_1
...							...
n							I_n
II. Dịch vụ liên quan của hàng hóa áp dụng hợp đồng theo đơn giá							$(I2) = I_1 + \dots + I_n$
1							I_1
...							...
n							I_n
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							$(I) = (I1) + (I2)$

Ghi chú:

- Cột (1) đến (6): Chủ đầu tư điền, trong đó dẫn chiếu đến yêu cầu tại Chương IV cho phù hợp.
- Cột (7) (8): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).

IV. Tổng hợp giá dự thầu

STT	Nội dung	Giá dự thầu
I	Giá hàng hóa và dịch vụ liên quan áp dụng loại hợp đồng trọn gói	$G1=(M1) + (X1) + (I1)$
1	Hàng hóa sản xuất gia công trong nước	$(M1)$
2	Hàng hóa sản xuất gia công tại nước ngoài	$(X2)$
3	Dịch vụ liên quan	$(I1)$
I	Giá hàng hóa và dịch vụ liên quan áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá	$G2=(M2) + (X2) + (I2) + (C)$
1	Hàng hóa sản xuất gia công trong nước	$(M2)$
2	Hàng hóa sản xuất gia công tại nước ngoài	$(X2)$
3	Dịch vụ liên quan	$(I2)$
4	Chi phí dự phòng (*)	$(C)=a\% \times ((M2)+(X2)+(I2))$
	Tổng cộng giá dự thầu (Kết chuyển sang đơn dự thầu)	$G=G1+G2$

Ghi chú:

(*): $a\%$: Chủ đầu tư quy định giá trị của a (%) để nhà thầu làm cơ sở chào chi phí dự phòng.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TIẾN ĐỘ CUNG CẤP^(*)

Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm	Ngày giao hàng		Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất
					Ngày giao hàng sớm nhất	Ngày giao hàng muộn nhất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Hạ tầng phòng máy chủ - Hệ thống kiểm soát ra vào và giám sát môi trường, camera						
1	Thiết bị kiểm soát vân tay	cái	1	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
2	Khóa nam châm điện	chiếc	1	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
3	Ngàm gắn khoá và cửa	chiếc	1	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
4	Nút bấm mở cửa Exit	chiếc	1	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
5	Bộ nguồn dự phòng mất điện	chiếc	1	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
6	Cửa chống cháy	Cái	1	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
7	Bình chữa cháy 3kg khí CO2 MT3	Cái	1	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
8	Bình chữa cháy bột ABC MFZL4 - 4kg	Cái	1	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm	Ngày giao hàng		Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất
					Ngày giao hàng sớm nhất	Ngày giao hàng muộn nhất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
9	Cảm biến nhiệt độ, độ ẩm	Cái	1	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
10	Cảm biến tràn nước	Cái	1	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
11	Cảm Biến Hiện Diện	Cái	1	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
12	Camera hub AI	Cái	1	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
13	Nhân công	gói	1	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
14	Thiết bị cân bằng tải Draytek 2962	Bộ	1	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
II	Vật tư nhân công - Hệ thống mạng cáp quang, Hệ thống mạng Lan, Hệ thống mạng Wifi, Thiết bị phụ trợ						
1	Cáp quang Multimode 4FO OM3 Cablexa	m	1.000	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
2	Tủ Rack 6U D500 treo tường	tủ	7	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
3	Tủ Rack 42u - D1000 có bánh xe	tủ	1	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm	Ngày giao hàng		Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất
					Ngày giao hàng sớm nhất	Ngày giao hàng muộn nhất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4	Thanh quản lý cáp	cái	8	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
5	Hộp phối quang ODF 8FO trong nhà	cái	8	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
6	Hộp phối quang ODF 32FO trong nhà	cái	2	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
7	Dây nhảy quang Single-mode SC/UPC-SC/UPC dài 3 m	dây	140	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
8	Cáp mạng AMP Commscope CAT5	thùng	7	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
9	Nẹp vuông Nanoco 30x16mm	cây	200	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
10	Nẹp vuông Nanoco 50x35mm	cây	110	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm	Ngày giao hàng		Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất
					Ngày giao hàng sớm nhất	Ngày giao hàng muộn nhất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
11	Dây điện đôi 1,5	cuộn	1	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
12	Đầu mạng RJ45 DINTEK UTP Cat 5 (loại 1 tầng)	túi	2	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
13	Chi phí hàn quang	mỗi	140	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
14	phích đựng cái	bộ	8	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
15	Nhân công	gói	1	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
16	phụ kiện lắp đặt	gói	1	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	03 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Cột (1) (2) (3)(4) (5) (6) (7): Chủ đầu tư điền.

Cột (8): Nhà thầu điền;

(*) Hàng hóa phải được giao trong khoảng thời gian quy định trong HSYC. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng sớm hơn ngày giao hàng sớm nhất thì không được tính ưu tiên và không bị loại. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng muộn hơn khoảng thời gian này thì HSDX của nhà thầu sẽ bị loại.

Mẫu số 06**BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU ⁽¹⁾**

Ngày: _____
 Tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu: <i>[ghi tên nhà thầu. Trong trường hợp liên danh, điền tên của từng thành viên]</i>
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: <i>[điền tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>
Năm thành lập công ty:
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu <i>[tại nơi đăng ký]:</i>
Thông tin về đại diện ủy quyền của nhà thầu Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp... 2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

Ghi chú:

(1) Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải kê khai theo Mẫu này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN ⁽¹⁾
(áp dụng đối với nhà thầu thương mại)

Tên nhà thầu: ____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng ⁽³⁾	[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]		Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]	[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]		
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư] [ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng] [ghi địa chỉ e-mail]		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương II⁽²⁾			
1. Loại hàng hóa	[ghi thông tin phù hợp]		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]		
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]		
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]		

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSYC và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSYC. Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên).

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này. Trường hợp HSYC không yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự thì bỏ qua Bảng này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương II để làm cơ sở đánh giá.

KÊ KHAI NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA
(áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Số lượng nhà máy, cơ sở sản xuất (gọi chung là nhà máy): _____ [Điền số nhà máy]

Đối với mỗi nhà máy, nhà thầu kê khai thông tin sau đây:

Tên nhà máy:	[Ghi tên nhà máy]
Địa chỉ:	[Ghi địa chỉ nhà máy]
Tổng mức đầu tư:	[Ghi tổng mức đầu tư]
Công suất thiết kế:	[Ghi công suất thiết kế]
Công suất thực hiện:	[Ghi công suất thực hiện trong năm gần nhất]
Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng hoặc 01 năm trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu.	[Ghi sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng hoặc 01 năm]
Tiêu chuẩn sản xuất:	[Ghi tiêu chuẩn sản xuất đang áp dụng, nếu có]
Số lao động đang làm việc:	[Ghi tổng số lao động đang làm việc tại nhà máy]

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp HSYC không yêu cầu về năng lực sản xuất hàng hóa thì bỏ qua Bảng này.

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại Mục 2.2 Chương II và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong HSDX không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này) thì Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế.

Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYC thì HSDX bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong HSDX nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSDX của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

STT	Họ và tên	Vị trí công việc
1	<i>[Nhà thầu ghi họ và tên nhân sự chủ chốt]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
STT	Tên	Căn cước công dân/ Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng/cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin trong HSDX theo yêu cầu tại Bảng trên.

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/dự toán mua sắm/Chức vụ/Hợp đồng/Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	...	...	...
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]			
...	...			

Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu.

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP HÀNG HÓA, EPC, EP, PC, CHÌA KHÓA TRAO TAY KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương II			
☐ Không có hoặc có 01 hợp đồng (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm__ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.			
☐ Có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm__ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.			
Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Chủ đầu tư, tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và HSDX của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSYC			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) ⁽²⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSYC/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSYC thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ

sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu phải nộp các tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
3				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾
(chỉ áp dụng đối với dịch vụ liên quan)

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ (nếu có) ⁽⁶⁾
1					
2					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ để thực hiện dịch vụ liên quan thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này. Đối với gói thầu của dự án thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tổ chức đấu thầu trong nước, nhà thầu trong nước được sử dụng nhà thầu phụ là nhà thầu nước ngoài đối với phần công việc đặc thù mà nhà thầu trong nước chưa thực hiện được hoặc cần chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật Đấu thầu.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột "Phạm vi công việc". Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi giá trị % công việc ước tính mà từng nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận sử dụng nhà thầu phụ và phải nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu đó. Trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

Phần 2. YÊU VẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương IV. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Chủ đầu tư/ Bên mời thầu: Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh
- Tên dự toán: **Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin phục vụ triển khai bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh.**
- Tên gói thầu: **Gói thầu số 2: Mua sắm thiết bị và thi công hệ thống cáp quang, mạng Lan, mạng wifi, thiết bị phụ trợ và hạ tầng máy chủ phục vụ triển khai bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh.**
- Nguồn vốn: Nguồn kinh phí ngân sách năm 2025.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chỉ định thầu thông thường
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 15 ngày.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 15 ngày kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu chung

- Hàng hóa, thiết bị thuộc gói thầu phải mới 100% chưa qua sử dụng, được sản xuất từ năm 2024 trở về sau: có đầy đủ Model, tên nhà sản xuất, năm sản xuất, nguyên đai, nguyên kiện, đóng gói theo tiêu chuẩn nhà sản xuất, đáp ứng đầy đủ danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật.
- Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành: Khi có yêu cầu về bảo hành, Nhà thầu phải cử chuyên gia hoặc cán bộ kỹ thuật đến khắc phục sự cố không chậm quá 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư. Trong trường hợp nhà thầu không đáp ứng được việc bảo hành thì Chủ đầu tư có quyền thuê nhà thầu khác thực hiện. Toàn bộ kinh phí thuê này do nhà thầu chi trả.
- Yêu cầu về bảo hành: Bảo hành ≥ 12 tháng hoặc theo quy định của nhà sản xuất.

1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật cụ thể

- Nhà thầu cung cấp trong HSYC của mình toàn bộ các danh mục hàng hoá thông số kỹ thuật. Trình bày đầy đủ các thông tin trong HSYC để chứng minh hàng hoá do nhà thầu chào đáp ứng các nội dung yêu cầu được quy định như sau:

A. Hạng mục Hạ tầng phòng máy chủ

Hệ thống kiểm soát ra/vào, Hệ thống giám sát môi trường, Hệ thống camera.

STT	Sản phẩm, nội dung	Yêu cầu tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng
1	Thiết bị kiểm soát vân tay	ZKTeco - China Thông số kỹ thuật: Dung Lượng Người Dùng: 10,000 Dung Lượng Thẻ: 10,000 Dung Lượng Vân Tay: 10,000 Dung Lượng Giao Dịch: 500,000 Giao tiếp: TCP/IP Kích Thước 195 mm*75 mm*25.35 mm (L*W*H) Nguồn điện 12vDC Màn hình màu 2,4 inch để liên lạc video một chiều. Phụ kiện đi kèm: 1/ Nguồn cấp điện 12v 2/ Chân đế chiếc 1	cái	1
2	Khóa nam châm điện	LM2805 - Electromagnetic Lock (600 lbs) - Khóa nam châm đơn lực hút 600 LBS tương đương 300 kgs - Applicable for glass door, wooden door, fireproof door - Surface magnet : 250 L x 47 W x 25.5 H (mm) - Strike plate : 180 L x 38 W x 11 H (mm) - Voltage : 12/24 VDC - Gross weight : 2 kg ZKTeco - China	chiếc	1
3	Ngàm gắn khoá và cửa	LMB-280ZL- Bracket for Electromagnetic Lock (ZL type) - Used with 600 lbs Electromagnetic Lock - Applicable for in-swinging door with 90 degree - Material : Aluminium alloy - Gross weight : 0.7 kg ZKTeco - China	chiếc	1
4	Nút bấm mở cửa Exit	Nút bấm mở cửa: Mã: EX802 Exit Button Applicable for access control Fireproof material Elegant design ZKTeco - China	chiếc	1

STT	Sản phẩm, nội dung	Yêu cầu tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng
5	Bộ nguồn dự phòng mất điện	P1205-B3 - NEW BACK-UP POWER SUPPLY - Bộ nguồn dự phòng mất điện công nghệ xung chuyên dụng cho Hệ thống kiểm soát ra vào - chấm công ZKTeco - China - Working Current: 12VDC-2Ah - Power supply for ≥ 4 hours uninterruptible - Applicable for Access control / Time attendance - Short circuit protection - Auto rechargeable - Gross weight : 3 kg Đã bao gồm acquy	chiếc	1
6	Cửa chống cháy	Kích thước: khoảng D 2m3 x R 0,85m Loại Cửa đi thép ngăn cháy 01 cánh Vị trí sử dụng Cửa thoát hiểm, kỹ thuật Cấp độ chống cháy 70 phút Vật liệu chính Thép tấm tiêu chuẩn Thép cánh cửa Độ dày thép làm cánh 0.7mm (JIS G3141) Độ dày cánh cửa 50mm (+ - 2%) Thép làm khung cửa Độ dày thép làm khung 1.2mm, tăng cứng 1.5-2mm Có bậc dán Zoăng chặn khói. Vị trí lắp khóa Vị trí lắp khóa (nếu có) 1100mm tính từ cạnh dưới của cánh cửa Vật liệu trong cánh Magie Oxide(ERON), bông khoáng, vải thủy tinh. Zoăng chặn khói Zoăng cao su dạng ống ngăn khói Sơn/ Màu sơn tiêu chuẩn Sơn tĩnh điện màu ghi sáng / Sơn sần Joton RAL7035 Phụ kiện kèm cho cửa Bản lề INOX 304 Bản lề bậc INOX SU304 Doorsill Doorsill Inox SU304 ; 1.2mm Bulong, nỏ nhựa Vít M8x60+nỏ nhựa Silicone Silicone Khóa cửa Oval Khóa an toàn loại tay gạt INOX, 01 đầu chìa khóa, 01 chốt trong Tay co thủy lực Tay co thủy lực Oval Giấy chứng nhận Giấy Chứng nhận kiểm định PCCC cho mẫu đốt cửa Ngăn cháy 70 phút	Cái	1
7	Bình chữa cháy 3kg khí CO2 MT3	Tên phổ thông: bình CO² chữa cháy 3kg Tên tiếng anh: MT3 fire extinguisher Thành phần hóa học: CO₂ + C = 2CO ; CO₂ + M = MO + CO Mã sản phẩm: MT3 Chủng loại: bình xách tay	Cái	1

STT	Sản phẩm, nội dung	Yêu cầu tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng
		Chất chữa cháy: Khí lạnh CO2 Trọng lượng bột bên trong: 3kg Trọng lượng toàn bình: 10kg Chiều cao: ~52cm Đường kính: ~11cm Bảo hành: 12 tháng		
8	Bình chữa cháy bột ABC MFZL4 - 4kg	Tên bình: Bình chữa cháy MFZL4 Mã sản phẩm: MFZL4 ABC Sức chứa: 4±0.08 kg Hiệu quả phun: ≥ 9 (s) Phạm vi phun: ≥ 4 (m) Nhiệt độ hoạt động: – 20°C ~ 55°C Áp suất vận hành: 1.2 (MPa) Thử nghiệm qua nước: 2.5 (MPa) Trọng lượng: 4Kg Tổng trọng lượng cả bình: ~5.5 kg Chiều cao: ~ 45cm	Cái	1
9	Cảm biến nhiệt độ, độ ẩm	Phạm vi phát hiện nhiệt độ -20 – 60 độ C (+/- 0.2 độ C) Phạm vi phát hiện độ ẩm 0-98% (+/- 2%) Nền tảng Smart Home tương thích Apple HomeKit, Amazon Alexa, Google Assistant, IFTTT, Matter	Cái	1
10	Cảm biến tràn nước	Sử dụng pin: CR2032 (2 năm sử dụng) Nhiệt độ hoạt động: -10 độ C – 55 độ C Độ ẩm hoạt động: 0-100%RH Chuẩn chống nước IP67 Nền tảng Smart Home tương thích Apple HomeKit, Amazon Alexa, Google Assistant, IFTTT, Matter	Cái	1
11	Cảm Biến Hiện Diện	Kết nối không dây Wifi 802.11 b/g/n 2.4 GHz, Bluetooth 4.2 Tần số hoạt động Wifi 2412-2472 MHz Tần số hoạt động sóng radar 60-64 GHz Nền tảng Smart Home tương thích Apple HomeKit, Amazon Alexa, Google Assistant, IFTTT, Matter	Cái	1
12	Camera hub AI	Độ phân giải 2.5K; Chống nước: IP65 AI on device: nhận diện khuôn mặt, con vật, âm thanh lạ... Công nghệ Color Night Vision (Có màu ban đêm) Nguồn: USB-C 5V/2A hoặc POE (không gồm nguồn) Kết nối: Wifi 2.4/5.0 GHz, Matter, mạng LAN Nền tảng Smart Home tương thích Apple HomeKit, Amazon Alexa, Google Assistant, IFTTT, Matter	Cái	1

STT	Sản phẩm, nội dung	Yêu cầu tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng
13	Nhân công	Nhân công lắp đặt, cấu hình thiết bị mạng kết nối phòng máy chủ, nhân công lắp đặt hệ thống cảm biến và camera	gói	1
14	Thiết bị cân bằng tải Draytek 2962	Vigor2962 High Performance Enterprise VPN Router - Router VPN hiệu năng cao dành cho Doanh nghiệp, Hotel, Resort ... Hỗ trợ WiFi Marketing - Load Balancing 4 WAN 4 cổng WAN/LAN Switchable (chuyển đổi WAN/LAN linh hoạt và cho phép chạy đối đa 4 WAN đồng thời): - 1 port 2.5 Gigabit WAN, RJ-45 - 1 port Gigabit WAN RJ45 / SFP Combo - 2 port Gigabit WAN / LAN RJ45 thay đổi linh hoạt - 2 port LAN Gigabit RJ-45 - 2 port USB dùng kết nối thiết bị lưu trữ - Multi-WAN Load Balancing & Failover, hỗ trợ đường truyền đa dịch vụ (IPTV, Internet, VoIP...). - NAT Session: 300.000, NAT Throughput: 2.2Gb/s với khả năng chịu tải lên đến 300 user - Hỗ trợ triển khai nhiều dịch vụ cao cấp: Leased line, L2VPN, L3VPN, MetroNET, Static IP, PPOE, PPTP/L2TP, DHCP - VLAN Tag 802.1q Hỗ trợ chia 20 lớp mạng khác nhau, DMZ LAN, IP routed LAN. - VPN server 200 kênh đồng thời, IPSec (IKEv1, IKEv2, XAuth), trong đó có 50 kênh OpenVPN, SSL VPN..., VPN Trunking (Load balancing/Backup). - Tích hợp Wi-Fi Marketing từ các nhà phát triển hàng đầu như Meganet, VNWIFI, Nextify... - Kiểm soát và quản lý băng thông tối ưu đường truyền Internet, chế độ High-Availability. - Firewall mạnh mẽ, linh hoạt (IP/MAC Address, Port Service, URL/Web Content Filter...), Firewall SPI dựa trên đối tượng, quản lý nội dung (CSM). - DrayDDNS tên miền động miễn phí của DrayTek - Quản lý tập trung cho 50 Access Point (APM), 30 Switch (SWM) - Quản lý tập trung Vigor2962 bằng phần mềm DrayTek VigorACS 2 hoặc Cloud DrayTek Free	Bộ	1

B. Hạng mục Vật tư nhân công

Hệ thống mạng cáp quang, Hệ thống mạng Lan, Hệ thống mạng Wifi , Thiết bị phụ trợ.

STT	Sản phẩm, nội dung	Yêu cầu tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Cáp quang Multimode 4FO OM3 Cablexa	Cấu trúc: Có lớp bọc giáp kim loại chống gặm nhấm, kèm 2 sợi thép chịu lực, vỏ bọc PVC/PE/HDPE màu đen - Số sợi quang: 4 sợi quang - Bước sóng: 850nm ~ 1300nm - Tiết diện: 7.0 – 8.0mm - Tốc độ: 10Gbs (Upto 40Gbs) - Môi trường sử dụng: Trong nhà/Ngoài trời – Treo/ Luồn cống/ Máng cáp	m	1.000	
2	Tủ Rack 6U D500 treo tường	Tủ mạng treo tường 6U H331xW550xD500mm - Vật liệu thép sử dụng : 1.0mm, 1.5mm - Cửa trước: đột lỗ thoáng khí (hoặc mica) - Quạt tản nhiệt: 1 cái gắn nóc tủ - Ổ điện: Lioa 4 port - Ốc cài: 8 bộ - Tắc kê nhựa + vít 6x60: 04 bộ - Sơn tĩnh điện : TRẮNG XÁM ĐEN Nhà sản xuất : ECP Xuất xứ : Việt Nam Bảo hành : 36 tháng	tủ	7	
3	Tủ Rack 42u - D1000 có bánh xe	Tủ mạng 19" 42U D1000- B H2038xD1000xW600mm Model : ECP-42U1000-B - Cửa trước đột lưới hoặc mica, cửa sau đột lưới. - Cửa hông : 2 cánh tháo lắp dễ dàng - Thanh máng cáp gắn dọc thân tủ : 2 - Quạt tản nhiệt (gắn nóc tủ): 02 quạt - Ổ điện : Lioa 6 port - Ốc cài : 36 bộ - Bánh xe 7 phân: 4 Cái - Chân vặn cố định: 01 bộ (4 cái) - Vật liệu thép: + Khung tủ, thanh nối : 1.5mm; + Thanh Rack : 2.0mm; + Cánh trước sau, nóc đáy: 1.0mm - Sơn tĩnh điện : TRẮNG XÁM ĐEN Nhà sản xuất : ECP - Việt Nam	tủ	1	

STT	Sản phẩm, nội dung	Yêu cầu tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
4	Thanh quản lý cáp	Thanh quản lý cáp ngang bằng thép và nhựa cho tủ Rack server 19 inches. Trọng lượng nhẹ nhưng cực kỳ chắc chắn. Được làm bằng thép và nhựa chất lượng cao thân thiện với môi trường. Chống mài mòn, chống trầy xước và ăn mòn.	cái	8	
5	Hộp phối quang ODF 8FO trong nhà	Hộp ODF 8FO (WM) ODF 8 port, plastic mini type, wallmount (Bao gồm: 08 Adapter, 08 ống co nhiệt, 08 dây hàn quang SC/PC) Xuất xứ : Việt Nam	cái	8	
6	Hộp phối quang ODF 32FO trong nhà	Hộp phối quang trong nhà ODF-32FO RM Hộp ODF gắn rack 19"inch khay cố định 32FO SC/UPC Bao gồm : (32 Adapter SC/UPC SM, 32 ống co nhiệt, 01 khay nối quang, 32 Dây hàn quang Single Mode SC/UPC (1.5m)	cái	2	
7	Dây nhảy quang Single- mode SC/UPC- SC/UPC dài 3 m	Dây nhảy quang Single Mode SC/UPC-SC/UPC (dây đơn - dài 3 mét)	dây	140	
8	Cáp mạng AMP Commscope CAT5	Cáp mạng UTP CAT5E Enh. Cat 5 UTP, 4-pair, CMR, Solid (5e), 200 Mhz Part : 6-219590-2	thùng	7	
9	Nẹp vuông Nanoco 30x16mm	Dòng sản phẩm: Nẹp luồn dây điện vuông Chiều dài: 1.7m/cây Kích thước: 30x16mm - Độ dày (mm): 1mm (+-0.1)	cây	200	Nẹp loại nhỏ đi trong phòng
10	Nẹp vuông Nanoco 50x35mm	Dòng sản phẩm: Nẹp luồn dây điện vuông "Chiều dài: 1.7m/cây Kích thước: 50x35mm Độ dày (mm): 1.4mm (+- 0.1)	cây	110	Nẹp loại lớn đi dọc hành lang
11	Dây điện đôi 1,5	Dây điện mềm bọc nhựa PVC Điện áp định danh : 300/500V Chiều dài : 100m/ cuộn	cuộn	1	

STT	Sản phẩm, nội dung	Yêu cầu tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
12	Đầu mạng RJ45 DINTEK UTP Cat 5 (loại 1 tầng)	Đầu bấm mạng UTP CAT5E Modular plug đầu RJ45 CAT.5e, 3 prongs contact, 50u" Gold plated, 100pcs/bag	túi	2	
13	Chi phí hàn quang		mỗi	140	
14	Phích đực cái		bộ	8	
15	Nhân công		gói	1	Thợ và nhân công kỹ sư bậc 2, bậc 3 Theo Quyết định số 129/QĐ- BTMTT ngày 03/02/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước
16	Phụ kiện lắp đặt		gói	1	

1.2.3. Yêu cầu về triển khai lắp đặt hệ thống:

a) Yêu cầu về lắp đặt:

- Nhà thầu chịu trách nhiệm vận chuyển và lắp đặt hoàn chỉnh thiết bị.
- Thiết bị nhà thầu cung cấp phải được chủ đầu tư kiểm tra, nghiệm thu đạt yêu cầu trước khi tiến hành lắp đặt.
- Quá trình lắp đặt phải có sự giám sát trực tiếp của bên Chủ đầu tư.

- Trong quá trình lắp đặt, nếu có những vấn đề phát sinh, nhà thầu phải xin ý kiến của Chủ đầu tư. Việc lắp đặt thiết bị phải đúng yêu cầu kỹ thuật của nhà sản xuất, không được làm ảnh hưởng đến hoạt động của các thiết bị khác, thiết bị lắp đặt phải đảm bảo tính an toàn và thẩm mỹ.

- Hệ thống sau khi hoàn thành phải được kiểm tra, chạy thử ổn định, an toàn.

b) Yêu cầu về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:

Yêu cầu về an toàn lao động: trước khi vào thi công lắp đặt nhà thầu phải tổ chức học an toàn lao động cho cán bộ công nhân viên tham gia thi công về nội quy và an toàn lao động trên công trường. Cụ thể như sau:

- Tuyệt đối chấp hành các nội quy, quy tắc và an toàn lao động chung trong khu vực thi công.

- Khi vào thi công tất cả công nhân viên đều phải mặc đồ bảo hộ lao động đồng phục của đơn vị mình và đeo thẻ ra vào.

- Tuỳ theo tính chất công việc mà phải đeo khẩu trang, găng tay, kính hàn...

- Khi sử dụng điện phải tuân thủ các quy tắc về an toàn điện và phòng chống cháy nổ. (Tuyệt đối không cho phép người không có chuyên môn về điện nói, đấu điện)

- Khi thi công tại các vị trí cao phải thắt dây an toàn

- Khi sử dụng máy cắt, máy khoan... phải tuân thủ các quy tắc an toàn.

Yêu cầu về phòng chống cháy nổ:

- Phổ biến nội qui về phòng chống cháy nổ cho toàn bộ cán bộ công nhân viên

- Khi hàn hơi, hàn điện phải tuân thủ các qui tắc về an toàn phòng nổ, phòng cháy của cơ quan thanh tra an toàn lao động và cơ quan phòng cháy chữa cháy.

- Bố trí các bình bột CO₂ chống cháy tại các nơi dễ gây ra hoả hoạn.

1.2.4. Yêu cầu về nghiệm thu, bàn giao

- Nhà thầu phải thông báo về kế hoạch nghiệm thu thiết bị cho Chủ đầu tư trước 03 ngày, ngoại trừ thời gian chậm nghiệm thu do các lý do khách quan của bên mời thầu. Toàn bộ thời gian nghiệm thu thiết bị được tính vào thời gian thực hiện hợp đồng.

- Hệ thống sau khi được nghiệm thu đúng các yêu cầu của Chủ đầu tư thì bàn giao cho các đơn vị lắp đặt thiết bị quản lý và khai thác.

1.2.5. Yêu cầu về bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật

- Sau khi hoàn thành nghiệm thu bàn giao, nhà thầu phải hướng dẫn, đưa khuyến cáo và lên kế hoạch bảo trì thiết bị để đảm bảo thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

- Thời gian bảo hành: Tối thiểu 12 tháng kể từ khi bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng thiết bị.

- Nội dung bảo hành:

+ Khắc phục các hư hỏng, khuyết tật của sản phẩm sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư. Trong thời gian thiết bị phân cứng bị chuyển đi thực hiện

dịch vụ bảo hành, nhà cung cấp phải cho Chủ đầu tư mượn thiết bị tương tự để đảm bảo hệ thống được hoạt động bình thường. Chủ đầu tư sẽ trả lại thiết bị cho nhà cung cấp sau khi thiết bị mang đi bảo hành được khắc phục hoàn toàn các lỗi và đã được lắp đặt trả lại vị trí như ban đầu cho Chủ đầu tư.

- + Thay thế miễn phí các hư hỏng do lỗi lắp đặt hoặc lỗi của nhà sản xuất.
- + Mọi chi phí liên quan đến việc bảo trì, bảo dưỡng (bao gồm cả linh kiện thay thế, vật tư tiêu hao sử dụng trong quá trình bảo trì, bảo dưỡng) trong thời gian bảo hành do nhà thầu chịu.

- + Nếu trong thời gian bảo hành, trong quá trình sử dụng thiết bị xảy ra sự cố, hỏng hóc mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư thì Nhà thầu phải có trách nhiệm sửa chữa, khắc phục trong 24 giờ kể từ khi Chủ đầu tư thông báo. Nếu quá 24 giờ kể từ ngày Chủ đầu tư báo cho Nhà thầu về các lỗi cần bảo hành mà Nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ bảo hành thì Chủ đầu tư có quyền thu hồi giá trị bảo hành tương đương của hàng hoá đó từ bảo lãnh bảo hành.

- Nhà thầu phải có đầu mối thông tin liên lạc.

- Địa điểm tiếp nhận bảo hành: Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh, Số 20 Đặng Thùy Trâm, xã Vĩnh Thạnh, tỉnh Gia Lai.

1.2.6. Các yêu cầu khác:

- Nhà thầu lắp đặt, cung cấp các loại vật tư, phụ kiện cần thiết để lắp đặt hoàn chỉnh các thiết bị thuộc gói thầu, đảm bảo vận hành, hoạt động của thiết bị.

- Thời gian thực hiện công việc: phù hợp với quy định nội bộ của Chủ đầu tư, không gây ảnh hưởng đến hoạt động của các khoa phòng trong Trung tâm, hoàn trả cảnh quan, vệ sinh môi trường sau khi hoàn thiện.

- Nhà thầu có thể tiến hành khảo sát hiện trạng trực tiếp để đưa ra phương án thi công tối ưu, đáp ứng các yêu cầu của Trung tâm. (Khi đến nhà thầu mang theo giấy giới thiệu, căn cước công dân)

- Trong quá trình kiểm tra chạy thử, nếu Chủ đầu tư có sự nghi ngờ về chất lượng, xuất xứ và bản quyền hàng hóa, sản phẩm của nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư có thể giao cho một đơn vị độc lập có chức năng để tiến hành đánh giá, kiểm tra, thử nghiệm hoặc xin xác nhận của nhà phân phối, hãng sản xuất của loại hàng hóa đó. Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ các chi phí có liên quan nếu bị kết luận chất lượng hàng hóa, sản phẩm do nhà thầu cung cấp không đáp ứng yêu cầu theo quy định của HSYC và hợp đồng đã ký kết.

1.3. Bản cam kết của nhà thầu

Nhà thầu phải cung cấp bản cam kết có ký, đóng dấu hợp lệ thể hiện đầy đủ các nội dung cam kết như sau:

BẢN CAM KẾT

____, ngày ____ tháng ____ năm 2025

Kính gửi: **Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh**
(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu của gói thầu *[ghi tên gói thầu]*, chúng tôi, *[ghi tên nhà thầu]*, cam kết các nội dung như sau:

1. Hạch toán tài chính độc lập.
2. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.
3. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế đối với nhà nước đến hết năm tài chính 2024.
4. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành.
5. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu.
6. Các thiết bị hàng hóa phải bảo đảm mới 100%, sản xuất năm 2024 trở về sau;
9. Có bảng tiến độ cung cấp hàng hóa phù hợp với yêu cầu của HSYC.
10. Định kỳ thực hiện bảo trì theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất trong thời gian bảo hành.
11. Trong thời gian bảo hành, nhà thầu phải có dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật: 24/24; 7 ngày/tuần.
12. Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Bên mua.
13. Cam kết bàn giao, lắp đặt, đào tạo, hướng dẫn sử dụng đến thành thạo cho người sử dụng (kể cả việc hướng dẫn cho nhân viên kỹ thuật bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên và thực hiện kiểm tra cân chỉnh thiết bị). Cam kết cung cấp và hướng dẫn sử dụng tài khoản đăng nhập vào hệ thống của thiết bị để kiểm tra thông tin, cấu hình (nếu có).
14. Thời gian bảo hành thiết bị tối thiểu 12 tháng. Trường hợp thời gian bảo hành của hãng >12 tháng thì áp dụng thời gian bảo hành của hãng.
15. Cán bộ kỹ thuật sẵn sàng tiếp cận để khắc phục sự cố cho hàng hóa.
16. Cam kết thời gian bảo hành, bảo trì; khả năng cung cấp các dịch vụ sau bán hàng; cung cấp vật tư phụ tùng thay thế.
17. Cam kết hỗ trợ về kỹ thuật: Hệ thống phải đảm bảo kết nối số Cloud và Kiost hoàn chỉnh; Kết nối hoàn thiện với cổng dữ liệu Bảo hiểm Y tế; Kết nối

thông suốt đường truyền đảm bảo thực hiện dữ liệu Bệnh án điện tử trên mức độ 10Gb; Mở rộng thêm kết nối hệ thống LIS, PACS; Kết nối với trực Medical của tỉnh; Hệ thống lưu trữ chuyên về San, Nas; Kết nối với trực ASM của tỉnh.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin nêu trên./.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mục 2. Bản vẽ: Không yêu cầu bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Bên mời thầu có quyền yêu cầu kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm:

- + Địa điểm: Tại đơn vị sử dụng;
- + Thời gian: Do các bên thỏa thuận;
- + Nội dung kiểm tra: Kiểm tra toàn bộ hàng hóa theo yêu cầu của hợp đồng;
- + Chi phí tổ chức thực hiện: Do nhà thầu chi trả. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên mời thầu có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên mời thầu có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên mời thầu không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.

Mọi chi phí để thực hiện bảo hành thiết bị (chi phí đi lại, vật tư thay thế, nhân công kỹ thuật) bên nhà cung cấp phải chịu.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành HSYC.

ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: TRUNG TÂM Y TẾ VĨNH THẠNH Địa chỉ: Số 20 Đặng Thùy Trâm, xã Vĩnh Thạnh, tỉnh Gia Lai Mã số thuế: 4100732290 Số tài khoản: 9527.2.1047699 tại Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XV Điện thoại: 02563886601 Email: bscuongvinhthanh@gmail.com Đại diện uỷ quyền (nếu có):
ĐKC 1.3	Nhà thầu: Địa chỉ: Mã số thuế: Số tài khoản: Số điện thoại: Fax: Email:
ĐKC 1.11	Địa điểm dự án: TRUNG TÂM Y TẾ VĨNH THẠNH, Số 20 Đặng Thùy Trâm, xã Vĩnh Thạnh, tỉnh Gia Lai
ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng: 1. Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng 2. Biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có); 3. Thư chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng; 4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 5. ĐKCT; 6. ĐKC; 7. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng; 8. Thỏa thuận liên danh (nếu có) và các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

ĐKC 4.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: - Người nhận: TRUNG TÂM Y TẾ VĨNH THẠNH - Địa chỉ: Số 20 Đặng Thùy Trâm, xã Vĩnh Thạnh, tỉnh Gia Lai - Điện thoại: 02563886601 - Fax: - Địa chỉ email: bscuongvinhthanh@gmail.com
ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày hợp đồng hết hiệu lực.
ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng Trong vòng 14 ngày kể từ khi hàng hóa được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
ĐKC 6.1	Danh sách nhà thầu phụ:
ĐKC 7.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: Tối đa 30 ngày. Giải quyết tranh chấp: Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. Trong trường hợp hai bên không thể giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải, thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để giải quyết theo các quy định của Pháp luật. Quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai là căn cứ pháp lý để các bên phải thực hiện. Án phí do bên thua kiện chịu.
ĐKC 9	Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn và chứng từ sau đây: hóa đơn giá trị gia tăng, giấy chứng nhận bảo hành của Nhà thầu hoặc nhà sản xuất, danh mục hàng hóa đóng gói, giấy chứng nhận xuất xứ, giấy chứng nhận chất lượng.... Chủ đầu tư phải nhận được các hóa đơn và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.
ĐKC 11.1	Loại hợp đồng: Trọn gói.
ĐKC 11.2	Giá hợp đồng: Cố định

ĐKC 12.3	Điều chỉnh thuế: Được phép Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
ĐKC 13.1	Tạm ứng: Không áp dụng.
ĐKC 14.2	Phương thức thanh toán: - Hình thức thanh toán chuyển khoản 100%. - Thời hạn thanh toán: Thời gian tối đa Chủ đầu tư hoàn tất việc kiểm tra (không kể thời gian hồ sơ phải chỉnh sửa) là 60 ngày. Sau khi kiểm tra hồ sơ thanh toán hợp lệ, đảm bảo các quy định cơ quan cấp phát vốn sẽ chuyển khoản thanh toán từ tài khoản Chủ đầu tư cho bên Nhà thầu. Thời gian kiểm tra hồ sơ và thời gian thanh toán do cơ quan cấp phát vốn quy định. - Phương thức thanh toán: Thanh toán 1 lần hoặc nhiều đợt, mỗi đợt thanh toán tối đa đến 100% giá trị thực hiện theo hợp đồng sau khi đã giảm trừ tiền tạm ứng, tiền bảo hành theo thỏa thuận trong hợp đồng.
ĐKC 18.2	Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, hàng hóa phải nguyên đai, nguyên kiện trước khi bàn giao cho bên đơn vị sử dụng.
ĐKC 19	Nội dung bảo hiểm: kể từ ngày cung cấp cho đến hết thời hạn bảo hành thiết bị, Nhà thầu phải mua bảo hiểm theo quy định pháp luật hiện hành.
ĐKC 20.1	Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: Theo hợp đồng, Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng;
ĐKC 20.2	Các dịch vụ bao gồm: - Thực hiện việc lắp đặt hoặc giám sát việc lắp đặt tại hiện trường, chạy thử hàng hóa. - Cung cấp các vật dụng cần thiết để lắp, bảo dưỡng hàng hóa. - Cung cấp các tài liệu chi tiết hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng

	hàng hóa. - Thực hiện hoặc giám sát thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa trong thời gian đã được thỏa thuận/ cam kết. - Hướng dẫn nhân sự của Chủ đầu tư về cách lắp đặt, chạy thử, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa hàng hóa.
ĐKC 21.1	Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: - Hàng hóa được kiểm tra đảm bảo về số lượng, chất lượng trước khi giao hàng. - Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, tính năng kỹ thuật không phù hợp/không đáp ứng với yêu cầu kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên mua có quyền từ chối nghiệm thu. Trong trường hợp đó, nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế cho phù hợp. Trường hợp nhà thầu không thực hiện thay thế hàng hóa đúng theo hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ trình cấp có thẩm quyền quyết định, mọi rủi ro và chi phí liên quan do nhà thầu chịu.
ĐKC 21.2	Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh
ĐKC 22	<i>Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:</i> <i>1. Phạt vi phạm hợp đồng: áp dụng.</i> Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau: Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 0.1%/ tuần cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 8%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 ĐKC. <i>2. Bồi thường thiệt hại: áp dụng.</i> Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế
ĐKC 23.3	Thời hạn bảo hành là: ≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng. Địa điểm để áp dụng bảo hành là Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh
ĐKC 23.5 ĐKC 23.6	Thời hạn sửa chữa, thay thế là: 03 ngày.

ĐKC 27.7 (d)	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0%.
---------------------	---

Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____ [*Chủ đầu tư/đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]

Gói thầu: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

Thuộc dự án: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và Thông báo chấp thuận HSDX và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu; [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

- Các căn cứ khác (nếu có). [*Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: ____; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với ĐKCT.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

Chủ đầu tư

Tên Chủ đầu tư: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)

Tên Đơn vị được ủy quyền: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____; [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền) [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin].

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____ [Chủ đầu tư kê khai]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. ĐKC của hợp đồng;
5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
6. Thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng;
7. HSDX và các văn bản làm rõ HSDX (nếu có) của Nhà thầu;
8. HSYC và các tài liệu sửa đổi HSYC (nếu có);
9. Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*.

a) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng trọn gói:*

b) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:*

- *Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);*

- *Giá trị thuế*

- *Dự phòng.*

c) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:*

- *Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);*

- *Giá trị thuế*

- *Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí.*

2. Phương thức thanh toán: _____ [*Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 14.2 ĐKCT*].

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: [*Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo ĐKCT*].

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ [*Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 9 ĐKC, HSĐX và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [*Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng*].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

[*xác nhận, chữ ký số*]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY
QUYỀN**

[*xác nhận, chữ ký số*]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng quy định tại HSYC và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”); ⁽¹⁾

Theo quy định trong HSYC (*hoặc hợp đồng*), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*]⁽²⁾ (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [*ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.2 ĐKCT của HSYC*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [*ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số ____ [*ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 ĐKCT.